

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

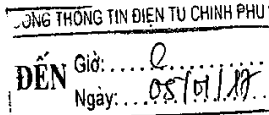
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 41 /2016/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 19 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành bổ sung giá đất vào Bảng giá các loại đất năm 2015 ban hành
kèm theo Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất;

Căn cứ Thông tư 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Bảng giá các loại đất năm 2015 trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 877/TTr-STNMT ngày 10 tháng 10 năm 2016, Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 305/BC-STP ngày 07 tháng 10 năm 2016 và ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 330/HĐND-TT ngày 19 tháng 12 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bổ sung giá đất vào Bảng giá các loại đất năm 2015 ban hành kèm theo Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, cụ thể như sau:

1. Đất ở tại đô thị:

a) Thành phố Cà Mau: Bổ sung giá đất ở của 10 đoạn đường;

b) Huyện Thới Bình: Bổ sung giá đất ở của 06 đoạn đường;

c) Huyện U Minh: Bổ sung giá đất ở của 01 đoạn đường;

- d) Huyện Trần Văn Thời: Bổ sung giá đất ở của 05 đoạn đường;
- đ) Huyện Cái Nước: Bổ sung giá đất ở của 01 đoạn đường;
- e) Huyện Phú Tân: Bổ sung giá đất ở của 01 đoạn đường;
- g) Huyện Đầm Dơi: Bổ sung giá đất ở của 09 đoạn đường;
- h) Huyện Năm Căn: Bổ sung giá đất ở của 07 đoạn đường.

2. Đất ở tại nông thôn:

- a) Thành phố Cà Mau: Bổ sung giá đất ở của 06 đoạn đường;
- b) Huyện Thới Bình: Bổ sung giá đất ở 24 của đoạn đường;
- c) Huyện U Minh: Bổ sung giá đất ở của 12 đoạn đường;
- d) Huyện Trần Văn Thời: Bổ sung giá đất ở của 12 đoạn đường;
- đ) Huyện Phú Tân: Bổ sung giá đất ở của 13 đoạn đường;
- e) Huyện Năm Căn: Bổ sung giá đất ở của 03 đoạn đường.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tài chính và sở, ngành, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định cho phù hợp.

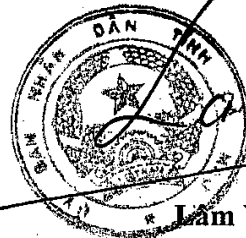
Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh Cà Mau;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Cà Mau;
- Báo Cà Mau;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- LĐVP UBND tỉnh;
- Phòng NN-TN (Nguyên, 02/12);
- Lưu: VT. Tr 85/12.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi



**HỘI NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh Cà Mau)

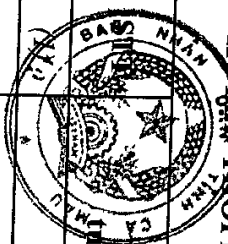
I. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ

1. THÀNH PHỐ CÀ MAU

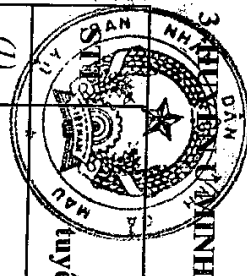
STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất bổ sung năm 2016
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Đường số 2	Đường 3/2	đường N10 (thuộc Dự án Công ty Hoàng Tâm)	3.500
2	Đường Nguyễn Bình	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Bà Triệu	3.000
3	Đường Bà Triệu	Đường 3/2	Đường Nguyễn Bình	3.500
4	Đường số 2 (Khu hành chính và công trình công cộng cửa ngõ Đông Bắc thành phố Cà Mau (Khu A))	Đường Trần Hưng Đạo	Đường số 1 (Khu hành chính và công trình công cộng cửa ngõ Đông Bắc thành phố Cà Mau (Khu A))	4.000
5	Đường Ngô Gia Tự nối dài (tên cũ: Đường số 3)	Ranh Dự án khu hành chính và công trình công cộng cửa ngõ Đông Bắc	Hết ranh phường 5	4.000
6	Đường Lạc Long Quân (Khu Công Nông 2, phường 7, TP. Cà Mau)	Đường An Dương Vương	Đoàn Thị Điểm	10.000

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất bổ sung năm 2016
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
7	Đường vào Công ty Thành Đoàn	Đường Xi nghiệp Gỗ	Hết đường hiện hữu	1.800
8	Đường vào Xi nghiệp Gỗ	Đường lê Hồng Phong	Hết đường láng nhựa hiện hữu	2.000
9	nt	Hết đường láng nhựa hiện hữu	Sông Gành Hào	1.500
10	Kênh Bà Cai	Đường Trương Phùng Xuân	Giáp ranh xã Lý Văn Lâm	800

2. HUYỆN THỚI BÌNH



	Đường, thuyền lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đề xuất
		Từ	Đến	
	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Đường Hành lang ven biển phía Nam	Cầu Bà Hội	Cầu Láng Trăm	500
2	nt	Cầu Láng Trăm	Cầu Bà Dặng	700
3	nt	Cầu Bà Dặng	Giáp ranh xã Thới Bình	500
4	nt	Giáp ranh xã Thới Bình	Kênh Ba Chùa	400
5	Đường Thới Bình - U Minh	Giáp đường Hành lang ven biển phía Nam	Cầu treo qua Sông Trẹm	400
6	nt	Cầu treo qua Sông Trẹm	Giáp ranh xã Thới Bình	300



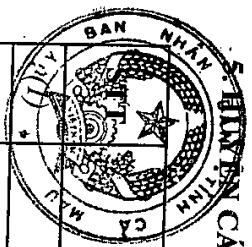
	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất bổ sung năm 2016
		Từ	Đến	
	(1)	(2)	(3)	(4)
1	Tuyến lộ Nội ô, thị trấn U Minh	Bờ Bắc Kênh 12 (Bờ bắc)	Hết ranh trường Mầm non Hương Tràm	1.100

4. TRẦN VĂN THỜI



	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Thị trấn Trần Văn Thời				
1	Tuyến đường số 2	Ranh đất ông Nguyễn Đức Thịnh	Giáp đường số 4	4.700
2	Tuyến đường số 5	Đường số 2	Đường số 3	4.700
3	Tuyến đường số 9	Đường Nguyễn Ngọc Sanh	Giáp đường số 4A	5.000
4	Tuyến đường số 3	Đường số 9	Giáp đường số 10	4.700
5	Tuyến đường số 10	Đường Nguyễn Ngọc Sanh	Giáp đường số 3	3.000

S. HUYỆN CÁI LỘC



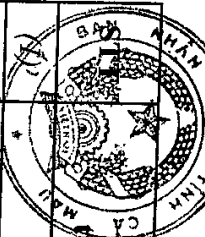
	Đường, tuyến lộ, khu vực (2)	Đoạn đường		Giá đất năm 2015 (5)
		Từ (3)	Đến (4)	
		Đường 2 tháng 9		
1	Hẻm số 4 (sau kho Thương nghiệp cũ)	Hẻm số 2		1.200

6. HOYẾN PHÚ TÂN

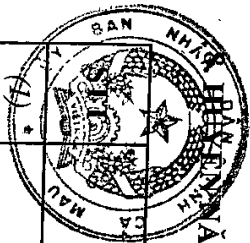


	Đường, hướng lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đề xuất
		Từ	Đến	
	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Khu Công ty Cadovimex	Cầu Dự án (phía tây)	Hết ranh đất ông Trương Thành Tri (Giáp kênh Dồn)	150

7. HUYỆN BẮM DƠI



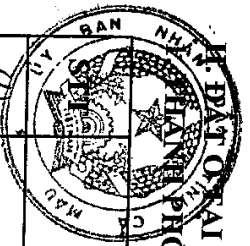
Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường			Giá đề xuất
	Từ	Đến		
(1) (2)	(3)	(4)	(5)	
2 Đường Nguyễn Tạo nối dài	Đường 19/5	Đường Ngô Bình An		1.500
3 nt	Đường Ngô Bình An	Đường Cầu Cây Dương		1.200
1 Đường Tô Văn Mười nối dài	Đường Phạm Minh Hoai	Đường Nguyễn Tạo		2.500
4 Đường vào trường tiểu học Phan Ngọc Hiến	Đường Tô Thị Tè	Hết ranh trường tiểu học		700
5 Đường sau khu hành chính huyện	Đường Dương Thị Cẩm Vân	Đường 30/4		1.000
6 Đường Quách Văn Phẩm	Đường Huỳnh Kim Tấn	Đường Tô Văn Mười		1.500
Khu chính trang Dân cư nhóm 2				
7 Đường số 1	Đường số 2	Đường Tô Thị Tè		1.400
8 Đường số 3	Đường số 1	Đường Phan Ngọc Hiến		1.400
9 Đường Phan Ngọc Hiến	Đường Tô Thị Tè	Tà An Khuong		1.400



HÀNG NĂM CẦN

	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đề xuất
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Khóm 6	Đường Nguyễn Việt Khải	Hết ranh đất ông Đặng Hoàng Triền	400
2	Khóm 6	Ranh đất ông Trần Văn Út	Hết ranh đất ông Trần Hậu Sơn (Đầu nói ra hẻm Bắc sỹ Sơn)	400
3	Khóm 6	Các tuyến lộ bê tông còn lại thuộc khóm 6 có chiều rộng 1,5 mét		400
4	Khóm 5	Các tuyến còn lại trong khóm 5		400
5	Đường Hồ Chí Minh	Cầu Xẻo Nạn	Hết ranh đất thị trấn Năm Căn	400
6	Khóm Sa Phô	Trại giống 202	Cầu Xẻo Nạn	300
7	Khóm Cái Nai	Cầu Ông Tình	Hết ranh đất ông Đinh Văn Thề	400

**H. ĐẤT QUAI NÔNG THÔN
THÀNH PHỐ CÀ MAU**



	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đề xuất
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Các tuyến lộ bê tông từ 2,0 - 2,5m (Xã Tân Thành và xã Tắc Vân)			350
2	Các tuyến lộ bê tông từ 2,5 - 3m (Xã Tân Thành và xã Tắc Vân)			400
3	Các tuyến lộ bê tông > 3m (Xã Tân Thành và xã Tắc Vân)			450
4	Các tuyến lộ bê tông từ 2,0 - 2,5m (Xã Hòa Tân)			340
5	Các tuyến lộ bê tông từ 2,5 - 3m (Xã Hòa Tân)			370
6	Các tuyến lộ bê tông từ > 3m (Xã Hòa Tân)			420

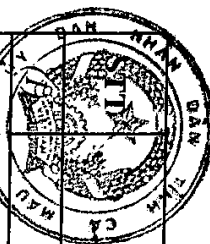
2. HUYỆN THỚI BÌNH



Đường, huyền lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đề xuất
	Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)
1. Xã Biển Bạch			
1	Dương Hành lang ven biển phía Nam	Giáp ranh xã Tân Bằng	Rạch Ngã Bát
2	Lộ Bờ Tây Sông Trẹm	Giáp ranh xã Tân Bằng	Kênh 25
3	Lộ Kênh 12	Sông Trẹm (Vàm Kênh 12)	Kênh Hắt (Kênh xang cùng kênh 12)
2. Xã Tân Bằng			
4	Lộ Kênh Trường học	Dinh thần Tân Bằng	Giáp đường Hành lang ven biển phía Nam
5	Lộ Kênh 11 lớn	Đầu kênh 11 lớn (Giáp Sông Trẹm)	Giáp ranh huyện U Minh
6	Lộ Bờ Tây Sông Trẹm	Giáp ranh xã Biển Bạch Đông	Kênh 11 lớn
7	nt	Hết ranh chùa Hưng Hạnh Tự	Giáp ranh xã Biển Bạch
8	Đường Hành lang ven biển phía Nam	Kênh 3+120m (Hết ranh xã Biển Bạch Đông)	Kênh 5
9	nt	Kênh 5	Kênh 7
10	nt	Kênh 7	Giáp ranh xã Biển Bạch
3. Xã Biển Bạch Đông			
11	Lộ Bờ Tây sông Trẹm	Kênh số 6	Giáp ranh xã Tân Bằng

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đề xuất
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
12	Đường Hành lang ven biển phía Nam	Kênh Ba Chùa (Giáp ranh thị trấn Thới Bình)	Kênh Ba Hàng Mít (Giáp xã Tân Bằng)	350
4. Xã Trĩ Phái				
13	Lộ Trĩ Phái - TT. Thới Bình (Bờ Bắc Kênh Chác Bông)	Kênh Kiểm	Kênh Kiểm + 400m (Về hướng thị trấn Thới Bình)	300
14	nt	Kênh Kiểm + 400m (Về hướng thị trấn Thới Bình)	Ngang Kênh Lầu	200
5. Xã Thới Bình				
15	Đường Hành lang ven biển phía Nam	Giáp ranh thị trấn Thới Bình (cầu Bà Hội)	Giáp ranh xã Hồ Thị kỷ (Cầu Ông Hương)	450
16	Đường Đê Tây sông Chác Bông	Giáp ranh thị trấn Thới Bình	Giáp ranh xã Trĩ Phái	350
17	Đường Bờ Đông Sông Trẹm	Giáp ranh thị trấn Thới Bình (cầu Bà Hội)	Rạch Ông Hương	200
18	Lộ về Trung tâm xã Thới Bình	Giáp lộ Láng Trám (Thới Bình - Tân Lộc)	Trụ sở UBND xã Thới Bình	350
19	Đường Thới Bình - U Minh	Giáp ranh thị trấn Thới Bình	Giáp ranh huyện U Minh	300
6. Xã Hồ Thị Kỳ				
20	Đường Hành lang ven biển phía Nam	Giáp lộ Võ Văn Kiệt	Cầu Bến Gỗ	500
21	nt	Cầu Bến Gỗ	Cầu Thị Phụng	450
22	nt	Cầu Thị Phụng	Giáp ranh xã Thới Bình	400
7. Xã Tân Lộc Đông				
23	Tuyến Kênh C3	Lộ Tân Phong	Lộ Bê tông kênh xáng Láng Trám	150
24	Tuyến Kênh xáng Tân Phong	Giáp Kênh xáng Phụng Hiệp	Cầu lụng Trám	150

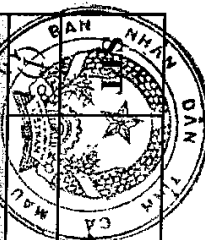
3. HUYỆN U MINH



Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
	Từ	Đến	
(2)	(3)	(4)	(5)
1. Xã Khánh Hòa			
1	Tuyến Lộ Khâu Bào	Ngã tư Kênh Lung Ngang	Giáp ấp 10, xã Khánh Tiến
2	Kênh Xáng Đứng	Kênh Tuổi Trẻ (bờ Đông)	Giáp kênh Lung Ngang
3	Tuyến 10 hồ Cải Nước	Kênh Tuổi Trẻ (bờ Đông)	Ngã ba kênh Chữ Đinh giáp hậu kênh xã Thịn
4	Kênh Tuổi Trẻ	Kênh Tuổi Trẻ (bờ Đông)	Giáp ranh đất ông Phạm Quốc Lیل
2. Xã Khánh Tiến			
5	Tuyến Kênh Hội (phía Đông) kênh Hội nhỏ	Kênh Hương Mai	Kênh Tuổi trẻ
6	Kênh Tuổi Trẻ (phía Nam)	Kênh Thống Nhất	Kênh Xáng Ganh
7	Kênh tuyến II (phía Nam)	Kênh Thống Nhất	Kênh Xáng Ganh
8	Kênh tuyến III (phía Nam)	Kênh Thống Nhất	Kênh Xáng Ganh
9	Kênh Xáng Ganh (phía Tây)	Kênh Hương Mai	Kênh Lung Ngang
10	Dê Biền Tây	Cổng Hương Mai	Cổng Triều Dừa
3 Xã Khánh Hội			
11	Tuyến Lung Lá - Lung Ranh	Ranh đất nhà ông 8 Thống (Kênh 26/3 bờ Tây)	Đất bà Nguyễn Thị Hà
			1200

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
4. Xã Khánh An				
12	Tuyến lộ T23	Giáp lộ xe U Minh - Cà Mau	Vùng Đệm Vườn Quốc Gia	400

4. HUỖN TRẦN VĂN THỎI



	Đường, Tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đề xuất
		Từ	Đến	
	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Xã Kim Bình Tây Bắc				
1	Tuyến đường cứu hộ cứu nạn đê biển Tây phòng cháy chữa cháy rừng Quốc gia U Minh Hạ	Ranh đất bà Bùi Thị Thắm	Hết đất ông Nguyễn Văn Nể	500
2	Tuyến đường ô tô về trung tâm xã	Ranh đường ông PM3	Hết ranh đất ông Đỗ Hữu Lộc	800
2. Xã Trần Hợi				
3	Tuyến T19 ấp Vô Dơi	Ranh đất ông Lâm Văn Quên	Kinh T21	350
4	Tuyến đường hẻm chợ Còi 5 ấp 2	Ranh đất Bà Cao Hồng Mạnh	Hết đất ông Nguyễn Hoàng Việt	400
5. Xã Khánh Hải				
5	Điểm dân cư nông thôn Vàm Kinh Tư	Bờ Nam	Lô L9a	300
6	nt	Bờ Nam	Lô L9b	300
7	nt	Bờ Nam	Lô L9c	300
8	nt	Bờ Nam	Lô L10a	400
9	nt	Bờ Nam	Lô L10b	400
10	nt	Bờ Bắc	Lô L9d	300
11	nt	Bờ Bắc	Lô L9e	300
12	nt	Bờ Bắc	Lô L9f	300

5. HUYỆN PHÚ TÂN



	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
	(2)	(3)	(4)	(5)
2. Xã Phú Mỹ				
1	Kênh 6 Giàu	Đầu Kênh 6 Giàu	Cuối Kênh 6 Giàu	120
2	Kênh Phú Thạch	Đầu Kênh Phú Thạch	Cuối Kênh Phú Thạch	120
3	Kênh Ngang	Đầu Kênh Ngang	Cuối Kênh Ngang	110
4	Kênh xáng Cầu sắt	Đầu Cầu sắt	Cổng Đá (Giáp xã Phú Tân)	110
5	Kênh Nội Đồng 1	Đầu Kênh Nội Đồng 1	Cuối Kênh Nội Đồng 1	110
6	Kênh Nội Đồng	Đầu Kênh Nội Đồng 2	Cuối Kênh Nội Đồng 2	110
7	nt	Đầu Kênh Nội Đồng 3	Cuối Kênh Nội Đồng 3	110
7. Xã Rạch Chèo				
8	Tuyến lộ Cải Nước - Cải Đới Vàm về Trung tâm xã Rạch Chèo	Đầu Vàm Kênh Năm (2 bên)	Cầu Rạch Chèo ngọn (2 bên)	180
9	nt	Cầu Rạch Chèo ngọn (2 bên)	Co đất ông Trần Văn Hình (2 bên)	180
10	nt	Co đất ông Trần Văn Hình (2 bên)	Cầu Đê Tây (2 bên)	110
11	nt	Cầu Đê Tây (2 bên)	Cầu Bảo Thùng (2 bên)	110
12	nt	Cầu Bảo Thùng (2 bên)	Cầu Dương Ven (2 bên)	110
13	nt	Cầu Dương Ven (2 bên)	Lộ Cải Nước - Cải Đới Vàm	150

6. HUYỆN NĂM CĂN



	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Xã Năm Hai				
1	Đường Hồ Chí Minh	Cầu Trại Lưới	Cầu Năm Căn	330
2. Xã Hàng Vĩnh				
2	Lộ Liên huyện	Cầu Xi Tọc	Cầu Kênh Lò (phía bắc lộ)	500
3. Xã Đất Mới				
3	Đường Hồ Chí Minh	Hết ranh Thị trấn Năm Căn	Cầu Trại Lưới	350

